TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 259/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại hai điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11;

- Điểm cầu thành phần: Văn phòng ấp L, xã C;

Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: số A, tổ A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 089088018314, ngày 12/8/2021 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1990; địa chỉ: số A, tổ A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 089190012796 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Trúc L1 do tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C nay là xã C, tỉnh An Giang vào ngày 21/8/2010. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được hai con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh ngày 09/10/2007 và Huỳnh Thành C, sinh ngày 13/02/2013. Hiện tại, cháu T đã thành niên, cháu C hiện đang sống cùng với bà L1.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cự cãi nhau, vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình nhưng không báo với chính quyền địa phương, dàn xếp nội bộ trong gia đình. Bà L1 và ông L không còn sống chung với nhau khoảng 02 tháng nay.

Nhận thấy tình cảm không còn nên ông Huỳnh Văn L yêu cầu ly hôn với bà L1, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Huỳnh Tấn T do đã thành niên, đồng ý để bà L1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thành C; ông L không cấp dưỡng nuôi con chung; không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2026 đến nay, không liên lạc và tới lui thăm nhau. Nay, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Trúc L1 là phù hợp với Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Huỳnh Văn L đối với bà Nguyễn Thị Trúc L1; bà Nguyễn Thị Trúc L1

được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thành C, sinh ngày 13/02/2013, ông Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L1, bà L1 cư trú xã C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Trúc L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Huỳnh Văn L khai, ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Trúc L1 do tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là xã C) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc L1 và ông Huỳnh Văn L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông Huỳnh Văn L xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống nên xảy ra cự cãi nhau, vấn đề kinh tế gia đình. Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Trúc L1 không còn sống chung với nhau vào tháng 4 năm 2026 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Trúc L1 bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2026 đến nay, không tới lui thăm nhau. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn L nhưng bà L1 không có ý kiến phản hồi. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Trúc L1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn L đối với bà Nguyễn Thị Trúc L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông Huỳnh Văn L xác định vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh ngày 09/10/2007 và Huỳnh Thành C, sinh ngày 13/02/2013. Ông Huỳnh Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối

với Huỳnh Tấn T do đã thành niên, đồng ý để bà L2 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thành C.

Xét thấy, con chung Huỳnh Tấn T hiện đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, ông Huỳnh Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Huỳnh Thành C hiện do bà L1 chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L1 vắng mặt tại nhà và vắng mặt tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của con chung. Mặc khác, ông Huỳnh Văn L cũng đồng ý để bà L1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu C được phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho bà L1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Trúc L1 không yêu cầu ông Huỳnh Văn L cấp dưỡng nuôi dạy con nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Văn L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Trúc L1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L.

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L1.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Văn L xác định vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh ngày 09/10/2007 và Huỳnh Thành C, sinh ngày 13/02/2013. Ông Huỳnh Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với Huỳnh Tấn T do đã thành niên nên không đề cập giải quyết; bà Nguyễn Thị Trúc L1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thành C; ông Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Trúc L1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 307178 do Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 5 năm 2026; ông Huỳnh Văn L đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Trúc L1 không phải chịu án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Trúc L1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS Khu vực 11 (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Cù Lao Giêng;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm